

Số: **1308/BGDĐT-NGCBQLGD**

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2020

V/v góp ý cho dự thảo Thông tư

Kính gửi: Các cơ sở giáo dục đại học

Thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao về công tác soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã dự thảo Thông tư quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học (sau đây gọi tắt là Dự thảo Thông tư) nhằm thay thế Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc đối với giảng viên. Dự thảo Thông tư đã được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo từ ngày 15/4/2020 tại địa chỉ: www.moet.gov.vn.

Để bảo đảm tính khả thi trong quá trình triển khai thực hiện, đồng thời sớm ban hành Thông tư, kịp thời triển khai vào đầu năm học 2020-2021, Bộ Giáo dục và Đào tạo kính gửi và đề nghị Đơn vị nghiên cứu, góp ý cho Dự thảo Thông tư nói trên.

Ý kiến góp ý của Đơn vị gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục) trước ngày 15/5/2020 theo địa chỉ: Số 35 Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng, Hà Nội. Điện thoại: 024.3869.5144 (số máy lẻ 133); di động: 0915.395.688; email: trannga@moet.gov.vn.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Phạm Ngọc Thường (để báo cáo);
- Công TTĐT Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, NGCBQLGD.

TL. BỘ TRƯỞNG
CỤC TRƯỞNG CỤC NHÀ GIÁO
VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ GIÁO DỤC

(Đã ký)

Hoàng Đức Minh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2020/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

Dự thảo 2
15/4/2020

THÔNG TƯ

Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học

Căn cứ Nghị định số 69/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số/NĐ-CP ngày tháng năm của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định chế độ làm việc của giảng viên, bao gồm: Nhiệm vụ của các chức danh giảng viên; quy định về thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và nghiên cứu khoa học; chế độ làm việc vượt định mức và quy đổi các hoạt động chuyên môn khác ra giờ chuẩn.

2. Thông tư này áp dụng đối với giảng viên giảng dạy tại đại học, học viện, trường đại học trong hệ thống giáo dục quốc dân (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục đại học) và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Nhiệm vụ của các chức danh giảng viên

1. Nhiệm vụ của các chức danh giảng viên thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập.

2. Giảng viên có chức danh phó giáo sư, giáo sư ngoài việc thực hiện nhiệm vụ của giảng viên quy định tại Khoản 1 Điều này còn phải thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg ngày 31/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định tiêu chuẩn, thủ tục xét công nhận đạt tiêu chuẩn và bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư; thủ tục xét hủy bỏ công nhận chức danh và miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ THỜI GIAN LÀM VIỆC, GIỜ CHUẨN GIẢNG DẠY VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Điều 3. Quy định về thời gian làm việc, thời gian nghỉ hằng năm

1. Quy định về thời gian làm việc

Thời gian làm việc của giảng viên trong năm học là 44 tuần để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng và tham gia các hoạt động chuyên môn khác và được xác định theo năm học.

2. Thời gian nghỉ hằng năm

a) Thời gian nghỉ hằng năm của giảng viên là 06 tuần, của giảng viên được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm công tác quản lý là 04 tuần. Thời gian nghỉ đã bao gồm nghỉ hè và nghỉ phép hằng năm theo quy định của Bộ Luật lao động, được hưởng nguyên lương và phụ cấp (nếu có);

b) Các chế độ nghỉ khác thực hiện theo quy định của Bộ Luật lao động;

c) Căn cứ kế hoạch năm học và điều kiện cụ thể của từng đơn vị, Thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học bố trí cho giảng viên nghỉ vào thời gian thích hợp.

Điều 4. Giờ chuẩn giảng dạy, thời gian giảng dạy, định mức giờ chuẩn

1. Giờ chuẩn giảng dạy (sau đây gọi chung là giờ chuẩn) là đơn vị thời gian quy đổi từ số giờ lao động cần thiết để hoàn thành một khối lượng công việc nhất định thuộc nhiệm vụ giảng dạy của giảng viên tương đương với một tiết giảng lý thuyết trình độ đại học trực tiếp trên lớp, bao gồm thời gian lao động cần thiết trước, trong và sau tiết giảng.

2. Thời gian giảng dạy trong kế hoạch đào tạo được tính bằng giờ chuẩn, trong đó một tiết giảng lý thuyết là 45 phút hoặc 50 phút được tính bằng một giờ chuẩn.

3. Định mức giờ chuẩn của giảng viên trong một năm học được quy định từ 200 đến 400 giờ chuẩn; trong đó, giờ chuẩn trực tiếp trên lớp chiếm tối thiểu 50% định mức quy định. Thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học căn cứ vào tình hình thực tế của đơn vị; mục tiêu, chiến lược phát triển của nhà trường; đặc thù của

môn học, ngành học để quyết định mức giờ chuẩn của giảng viên trong một năm học cho phù hợp.

Điều 5. Định mức giờ chuẩn đối với giảng viên được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm công tác đảng, đoàn thể

1. Giảng viên được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm công tác đảng, đoàn thể (trừ giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh) có nghĩa vụ giảng dạy tối thiểu theo định mức dưới đây (tính theo tỷ lệ % của định mức giờ chuẩn quy định tại khoản 3 Điều 4 của Thông tư này):

Stt	Giảng viên được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm công tác đảng, đoàn thể	Định mức
1	Chủ tịch Hội đồng đại học, Giám đốc đại học:	10%
2	Phó giám đốc đại học; Chủ tịch Hội đồng trường; Hiệu trưởng trường đại học và tương đương:	15%
3	Phó hiệu trưởng trường đại học và tương đương; Trưởng ban của đại học:	20%
4	Phó trưởng ban của đại học; Trưởng phòng và tương đương; Thư ký Hội đồng trường:	25%
5	Phó trưởng phòng và tương đương:	30%
6	Trưởng khoa, phó trưởng khoa và tương đương:	
a)	Đối với khoa có 40 giảng viên trở lên hoặc có quy mô 800 người học trở lên:	
	- Trưởng khoa:	70%
	- Phó trưởng khoa:	75%
b)	Đối với khoa có dưới 40 giảng viên hoặc có quy mô dưới 800 người học :	
	- Trưởng khoa:	75%
	- Phó trưởng khoa:	80%
8	Chủ nhiệm lớp, cố vấn học tập:	85%
9	Bí thư đảng ủy cơ sở giáo dục đại học có bố trí cán bộ chuyên trách:	70%
10	Bí thư đảng ủy cơ sở giáo dục đại học không bố trí cán bộ chuyên trách:	50%
11	Phó bí thư đảng ủy cơ sở giáo dục đại học có bố trí cán bộ	80%

	chuyên trách:	
12	Phó bí thư đảng ủy cơ sở giáo dục đại học không bố trí cán bộ chuyên trách:	60%
13	Bí thư chi bộ, Trưởng ban thanh tra nhân dân, Chủ tịch hội cựu chiến binh:	90%
14	Giảng viên làm công tác quốc phòng, quân sự không chuyên trách quy định tại Nghị định số 168/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ về công tác Quốc phòng ở Bộ, ngành trung ương, địa phương:	80%
15	Giảng viên đang là quân nhân dự bị, tự vệ được triệu tập huấn luyện, diễn tập hàng năm, thời gian tham gia huấn luyện, diễn tập được tính quy đổi giờ chuẩn tương đương theo quy định tại Điều 8 của Thông tư này.	
16	Giảng viên làm công tác đoàn thanh niên, hội sinh viên, hội liên hiệp thanh niên thực hiện theo Quyết định số 13/2013/QĐ-TTg ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ, chính sách đối với cán bộ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên Việt Nam, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam trong các cơ sở giáo dục và cơ sở dạy nghề.	
17	Giảng viên làm công tác công đoàn không chuyên trách trong các cơ sở giáo dục đại học thực hiện theo quy định tại Thông tư số 08/2016/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 03 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.	

Thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học quy định cụ thể định mức giờ chuẩn tại khoản này; đồng thời quy định định mức giờ chuẩn đối với các trường hợp kiêm nhiệm khác (nếu có) cho phù hợp.

2. Giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm các công tác quản lý, công tác đảng, đoàn thể trong cơ sở giáo dục đại học có nghĩa vụ giảng dạy theo định mức quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 15/2015/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BQP-BCA-BNV-BTC ngày 16 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 6. Quy định về nghiên cứu khoa học

1. Giảng viên phải dành ít nhất 1/3 tổng quỹ thời gian làm việc trong năm học để làm nhiệm vụ nghiên cứu khoa học.

2. Mỗi năm, giảng viên phải hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học được giao tương ứng với chức danh hoặc vị trí công việc đang đảm nhiệm. Việc

giao và triển khai thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học cho giảng viên phải phù hợp với điều kiện, tiềm lực khoa học, chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục đại học và phù hợp với năng lực chuyên môn của giảng viên.

3. Kết quả nghiên cứu khoa học của giảng viên được đánh giá thông qua các sản phẩm khoa học và công nghệ, các hoạt động nghiên cứu và chuyển giao công nghệ. Thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học giao nhiệm vụ nghiên cứu khoa học cho giảng viên và quy định cụ thể về số giờ nghiên cứu khoa học được quy đổi từ sản phẩm khoa học và công nghệ, hoạt động nghiên cứu và chuyển giao công nghệ.

4. Đối với những giảng viên không hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học theo quy định, Thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học căn cứ mức độ, hoàn cảnh cụ thể để xem xét khi đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trong năm học, xếp loại thi đua và giải quyết các chế độ, chính sách liên quan.

Chương IV

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VƯỢT ĐỊNH MỨC VÀ QUY ĐỔI CÁC HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN KHÁC RA GIỜ CHUẨN

Điều 7. Chế độ làm việc vượt định mức lao động

1. Trong một năm học, giảng viên giảng dạy, nghiên cứu khoa học, hoạt động chuyên môn và thực hiện các nhiệm vụ khác vượt định mức được hưởng chế độ làm việc vượt định mức theo quy định của pháp luật. Thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học căn cứ các quy định hiện hành của nhà nước và điều kiện thực tế của đơn vị để quyết định chế độ chi trả phù hợp.

2. Thời gian làm việc vượt định mức của giảng viên hằng năm không được vượt quá thời gian theo quy định của Bộ luật lao động hiện hành.

Điều 8. Quy đổi các hoạt động chuyên môn ra giờ chuẩn

1. Giảng dạy

a) Một tiết giảng lý thuyết trên lớp cho tối đa 50 sinh viên được tính bằng 1,0 giờ chuẩn; một tiết giảng lý thuyết kết hợp làm mẫu ở thao trường, bãi tập môn học giáo dục quốc phòng và an ninh, một tiết giảng môn học giáo dục thể chất được tính bằng 1,0 giờ chuẩn. Đối với lớp học có trên 50 sinh viên, tùy theo điều kiện làm việc cụ thể đối với từng lớp ở từng chuyên ngành khác nhau, một tiết giảng lý thuyết trên lớp có thể nhân hệ số khi tính giờ chuẩn nhưng không quá 2,0;

b) Một tiết giảng chuyên đề, giảng lý thuyết cho các lớp đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ và một tiết giảng bằng tiếng nước ngoài đối với môn học không

phải là môn ngoại ngữ được tính bằng 1,2 đến 2,0 giờ chuẩn.

2. Các nhiệm vụ chuyên môn khác

a) Việc quy đổi thời gian thực hiện các nhiệm vụ sau ra giờ chuẩn do Thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học quy định: Nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, hướng dẫn bài tập, thực hành, thí nghiệm, thảo luận, thực tập, đề án, khóa luận tốt nghiệp, luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ; nhiệm vụ coi thi, chấm thi kết thúc học phần; chấm đề án, khóa luận tốt nghiệp; phản biện và chấm luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ; huấn luyện đội tuyển dự thi Olympic quốc gia, quốc tế; tổ chức, hướng dẫn các hoạt động thể thao, tập huấn, thi đấu giải thể thao các cấp và bồi dưỡng giảng viên.

b) Đối với các nhiệm vụ đã có kinh phí hỗ trợ thù lao từ các nguồn kinh phí khác thì không thực hiện quy đổi thời gian thực hiện nhiệm vụ ra giờ chuẩn; tuy nhiên, được tính vào tổng định mức giờ chuẩn để đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trong năm đối với giảng viên không vượt định mức lao động.

Điều 9. Điều khoản áp dụng

1. Giảng viên trong thời gian tập sự, thử việc chỉ thực hiện tối đa 50% định mức giờ chuẩn giảng dạy, nghiên cứu khoa học.

2. Giảng viên kiêm nhiệm nhiều chức vụ thì áp dụng định mức giờ chuẩn thấp nhất trong số các chức vụ kiêm nhiệm quy định tại Điều 5 của Thông tư này.

3. Giảng viên trong thời gian nghỉ hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội, nghỉ theo các quy định của Bộ luật Lao động hiện được miễn giảm định mức giờ chuẩn giảng dạy, **nghiên cứu khoa học** theo tỷ lệ tương ứng với thời gian nghỉ.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện quy định tại Thông tư này đối với cơ sở giáo dục đại học thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 11. Trách nhiệm của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học

Thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học căn cứ quy định tại Thông tư này, đặc thù của từng bộ môn, chuyên ngành đào tạo và điều kiện cụ thể của đơn vị để ban hành văn bản quy định chi tiết chế độ làm việc của giảng viên tại đơn vị

trước khi tổ chức thực hiện sao cho mỗi giảng viên đều phải thực hiện đồng thời nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học; đồng thời gửi văn bản báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục).

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2020.
2. Thông tư này thay thế Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc đối với giảng viên. Bãi bỏ các quy định trước đây trái với quy định tại Thông tư này.
3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản mới đó.
4. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thủ trưởng các cơ sở giáo dục đại học chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban VHGDĐTNNĐ của Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Ủy ban Quốc gia đổi mới giáo dục và đào tạo;
- Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực;
- Hội đồng Giáo sư nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- **Các cơ sở giáo dục đại học;**
- Công báo;
- Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng TTĐT Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Lưu: VT, Vụ PC, Cục NGCBQLGD (10b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**